**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

**BẢN THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ**

**Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại,**

**chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

**I. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 138 Luật Các TCTD năm 2024 quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn như sau:

***“Điều 138. Tỷ lệ bảo đảm an toàn***

*1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:*

*…b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 08% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;…*

*3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại khoản 1 Điều này đối với từng loại hình tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”*

- Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” đưa ra các mục tiêu và giải pháp sau:

+ Nội dung tiết a Điểm 2 Khoản II Điều 1 Quyết định số 689/QĐ-TTg như sau: *“2. Mục tiêu cụ thể a) Triển khai thí điểm áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao tại các NHTM Nhà nước nắm cổ phần chi phối và NHTM cổ phần có chất lượng quản trị tốt đã hoàn thành áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn vào cuối năm 2025; phấn đấu đến năm 2023, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của các NHTM đạt tối thiểu 10 - 11%; đến năm 2025, đạt tối thiểu 11 - 12%.”,*

+ Nội dung tiết b Điểm 1 Khoản III Điều 1 Quyết định số 689/QĐ-TTg như sau: *“III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU 1. Nhóm giải pháp chung … b) Các giải pháp hỗ trợ - Về giải pháp về điều hành chính sách tiền tệ:… + Nghiên cứu, có giải pháp phù hợp để khuyến khích các ngân hàng thực hiện Basel II theo phương pháp nâng cao, hướng đến triển khai Basel III khi TCTD có đủ điều kiện về tài chính, nhân lực...”.*

**2. Cơ sở thực tiễn**

Chuẩn mực Basel II đã được ban hành từ năm 2006, Chuẩn mực Basel III ban hành từ năm 2010, có phiên bản cải cách 2017 và có một số điều chỉnh đến nay. Basel III là chuẩn mực quản trị rủi ro đã và đang được áp dụng rộng rãi trên quốc tế. Đây là chuẩn mực mà hệ thống ngân hàng Việt Nam hướng đến, thông qua việc nâng cao chất lượng về vốn và năng lực thanh khoản theo yêu cầu của chuẩn mực tạo nền tảng cho một hệ thống ngân hàng phát triển bền vững, có sức chống chịu biến cố, khả năng phục hồi sau biến cố và góp phần ngăn ngừa những tổn thất hệ thống có thể xảy ra.

Trên thực tiễn, một số ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam đã nghiên cứu, tham khảo thông lệ quốc tế về Chuẩn mực Basel III để hướng tới việc áp dụng vào quản trị rủi ro, quản trị điều hành tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Do đó, việc nghiên cứu, ban hành Thông tư quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (DTTT) để vừa cập nhật các quy định mới tại Chuẩn mực Basel III vừa phù hợp với đặc thù hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam là cần thiết, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam triển khai thực hiện.

**II. Định hướng xây dựng, bố cục và một số nội dung chính của DTTT**

**1. Định hướng xây dựng** **DTTT**

DTTT được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã sửa đổi, bổ sung – viết tắt là TT41) và cập nhật những quy định mới tại Chuẩn mực Basel III năm 2017[[1]](#footnote-1), đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

**2.** **Bố cục DTTT**

DTTT được xây dựng gồm 08 Chương (88 Điều), cụ thể như sau:

- Chương I về quy định chung, gồm 4 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4) quy định về: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Cơ cấu tổ chức và hoạt động kiểm soát đối với quản lý chất lượng tài sản có và tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; Dữ liệu và hệ thống công nghệ thông tin.

- Chương II về tỷ lệ an toàn vốn và vốn tự có, gồm 2 Điều (Điều 5 và Điều 6).

- Chương III về quy định tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo phương pháp tiêu chuẩn, gồm 17 Điều (từ Điều 10 đến Điều 26), trong đó có 3 Mục gồm: Mục I về quy định tính toán tổng tài sản có rủi ro tín dụng theo phương pháp tiêu chuẩn; Mục II về hệ số rủi ro tín dụng đối với các nhóm tài sản theo phương pháp tiêu chuẩn; Mục III về việc sử dụng xếp hạng độc lập.

- Chương IV về quy định tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo phương pháp xếp hạng nội bộ, gồm 53 Điều (từ Điều 27 đến Điều 79), trong đó có 6 Mục gồm: Mục I về quy định tính toán tổng tài sản có rủi ro tín dụng theo phương pháp xếp hạng nội bộ; Mục II về Phân loại tài sản có rủi ro tín dụng theo phương pháp xếp hạng nội bộ; Mục III về Cách xác định cấu phần để tính toán tài sản có rủi ro theo phương pháp xếp hạng nội bộ; Mục IV về Quy định về tổn thất dự kiến và dự phòng rủi ro; Mục V về Các yêu cầu tối thiểu của phương pháp xếp hạng nội bộ; Mục VI về Mô hình đo lường rủi ro và quản trị mô hình đo lường rủi ro.

- Chương V về vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động, gồm 1 Điều (Điều 80).

- Chương V về vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường, gồm 2 Điều (Điều 81, 82).

- Chương VII về chế độ báo cáo và công bố thông tin, gồm 2 Điều (Điều 83, 84).

- Chương VIII về trách nhiệm của các đơn vị thuộc ngân hàng nhà nước, gồm 2 Điều (Điều 85, 86).

- Chương IX về điều khoản thi hành, gồm 2 Điều (Điều 87, 88).

**3. Một số nội dung chính của DTTT**

DTTT được xây dựng với một số nội dung chính như sau:

***3.1. Về nội dung tỷ lệ an toàn vốn tại Chương II DTTT:***

- DTTT quy định tỷ lên an toàn vốn tối thiểu ở mức 10.5%, trong đó đảm bảo vốn cấp 1 tối thiểu 6%, vốn lõi cấp 1 là 4,5%, tổng vốn cấp 1 và vốn cấp 2 là 8%, vốn đệm bảo toàn vốn là 2,5%.

- DTTT quy định giao quyền cho Thống đốc NHNN quyết định trong từng thời kỳ trong trường hợp cần thiết và chưa đưa ra yêu cầu cụ thể đối với tỷ lệ đệm vốn phản chu kỳ. Tỷ lệ này nhằm ngăn ngừa sự suy giảm của nền kinh tế. Tỷ lệ này linh hoạt trong từng thời kỳ do NHNN quyết định với mức dao động trong khoảng 0-2.5%, tăng lên trong thời điểm thị trường tăng trưởng nóng và giảm xuống khi thị trường hoạt động trong điều kiện ổn định.

- DTTT bổ sung khoản mục chênh lệch giữa tổn thất dự kiến và tổng mức dự phòng (total eligible provision) khi xác định vốn tự có: “Trường hợp giá trị tổn thất dự kiến lớn hơn giá trị dự phòng, phần chênh lệch sẽ được trừ đi 50% từ vốn cấp 1 và 50% vốn cấp 2. Trường hợp giá trị tổn thất dự kiến nhỏ hơn giá trị dự phòng, phần chênh lệch sẽ được ghi nhận vào vốn cấp 2 tối đa 0.6% giá trị tài sản có rủi ro tín dụng.” Quy định này dự kiến sẽ góp phần: i) giảm thiểu tác động giảm vốn cấp 1. Theo đó, mức chênh lệch được giảm trừ đều vào cả vốn cấp 1 và vốn cấp 2. ii) hỗ trợ các NHTM trong việc đáp ứng chỉ tiêu an toàn vốn liên quan đến vốn lõi cấp 1 (4.5%) và vốn cấp 1 (6%). Chi tiết các cấu phần vốn cấp 1 (vốn lõi, vốn bổ sung) và vốn cấp 2 sẽ được chỉnh sửa tại Phụ lục.

***3.2. Về việc tính toán rủi ro tín dụng theo phương pháp tiêu chuẩn (SA) tại Chương III DTTT*:** DTTT cơ bản kế thừa quy định tại TT41 và cập nhật quy định tại Basel III.

*- Về định nghĩa khoản cho vay bảo đảm bằng bất động sản:* DTTT quy định khoản cho vay bảo đảm bằng bất động sản là khoản cho vay đối với cá nhân, pháp nhân để mua bất động sản, thực hiện dự án bất động sản và được bảo đảm bằng bất động sản, dự án bất động sản theo các quy định của pháp luật về giao dịch đảm bảo (để phù hợp chuẩn mực Basel III SA đoạn 59,60,62,73). Trong khi đó, TT41 quy định khoản cho vay bảo đảm bằng bất động sản được bảo đảm bằng chính bất động sản, dự án bất động sản.

*- Về* *định nghĩa khoản cấp tín dụng bán lẻ:* DTTT quy định khoản cấp tín dụng bán lẻ là danh mục các khoản cấp tín dụng cho khách hàng là cá nhân hoặc khách hàng là doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (không bao gồm các khoản cho vay bảo đảm bằng bất động sản, khoản cho vay thế chấp nhà ở, các khoản cho vay để kinh doanh chứng khoán) mà số dư cấp tín dụng (đã giải ngân và chưa giải ngân) của một khách hàng đảm bảo đồng thời: a) Không vượt quá 8 tỷ đồng Việt Nam; b) Không vượt quá 0,2% tổng số dư của toàn bộ danh mục cấp tín dụng bán lẻ (đã giải ngân và chưa giải ngân) của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Việc chỉnh sửa để phù hợp chuẩn mực Basel III SA đoạn 54,55.

 Trong khi đó, TT41 quy định khoản cấp tín dụng bán lẻ là danh mục các khoản cấp tín dụng cho khách hàng là cá nhân (không bao gồm khoản cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng các điều kiện của khoản cấp tín dụng bán lẻ).

***3.3. Về việc tính toán rủi ro tín dụng theo phương pháp IRB tại Chương IV DTTT:***

DTTT quy định trên cơ sở Chuẩn mực Basel III năm 2017 do các nội dung về phương pháp xếp hạng nội bộ của Basel III có nhiều thay đổi so với Basel II.

Căn cứ quy định tại Chuẩn mực Basel III và tham khảo quy định tại một số quốc gia, DTTT quy định 06 mục tại Chương IV DTTT như sau:

- Mục I - Tính toán tổng tài sản có rủi ro tín dụng theo phương pháp IRB gồm các quy định về Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng (RWA); Áp dụng phương pháp xếp hạng nội bộ cho các loại tài sản; Giai đoạn chuyển đổi sang phương pháp xếp hạng nội bộ; Phê duyệt áp dụng phương pháp xếp hạng nội bộ; Sửa đổi, bổ sung phương pháp xếp hạng nội bộ; Tỷ lệ sàn đầu ra.

- Mục II - Phân loại tài sản có rủi ro tín dụng theo phương pháp xếp hạng nội bộ bao gồm các quy định về: Khoản phải đòi doanh nghiệp; Khoản phải đòi bán lẻ; Khoản mua lại khoản phải thu đủ tiêu chuẩn; Các loại tài sản khác.

Cách phân loại của tài sản theo phương pháp IRB có những điểm khác biệt so với phương pháp SA tại Chương III DTTT như: không có quy định riêng khoản phải đòi đảm bảo bằng bất động sản; khoản cho vay thế chấp nhà ở thuộc danh mục khoản phải đòi bán lẻ và không giới hạn số dư cấp tín dụng 8 tỷ đồng.

- Mục III - Cách xác định cấu phần để tính toán tài sản có rủi ro theo phương pháp xếp hạng nội bộ bao gồm tài sản có rủi ro tín dụng, tham số PD, LGD, EAD của các khoản phải đòi.

- Mục IV - Quy định về tổn thất dự kiến và dự phòng rủi ro gồm Tính toán tổn thất dự kiến; Tính toán dự phòng; So sánh tổn thất dự kiến và dự phòng.

- Mục V - Các yêu cầu tối thiểu của phương pháp xếp hạng nội bộ bao gồm các quy định về Cấu phần và tuân thủ các yêu cầu tối thiểu; Thiết kế hệ thống xếp hạng; Vận hành hệ thống; Quản trị rủi ro và giám sát; Sử dụng hệ thống xếp hạng; Ước lượng rủi ro; Kiểm định ước lượng nội bộ; Yêu cầu về báo cáo.

- Mục VI - Mô hình đo lường rủi ro và quản trị mô hình đo lường rủi ro bao gồm quy định về: Xây dựng, phát triển mô hình đo lường rủi ro; Quản trị rủi ro mô hình; Kiểm định mô hình; Nội dung kiểm định mô hình; Kiểm định giai đoạn khởi tạo mô hình; Kiểm định giai đoạn đánh giá ban đầu; Kiểm định giai đoạn triển khai mô hình; Kiểm định, đánh giá định kỳ; Kiểm định đối tác bên ngoài hoặc sản phẩm của bên thứ ba; Quản trị mô hình; Vai trò của bộ phận kiểm toán nội bộ; Quản lý hoạt động thuê ngoài liên quan đến mô hình; Quản lý hồ sơ của mô hình.

***3.4. Về việc tính toán rủi ro thị trường*:**Cơ bản kế thừa quy định tại TT41.

***3.5. Về việc tính toán rủi ro hoạt động*:**Cơ bản kế thừa quy định tại TT41 và chỉnh sửa phù hợp với Chuẩn mực Basel III phiên bản năm 2017.

***3.6. Về điều khoản thi hành:***

DTTT đưa ra điều khoản thi hành tương tự TT41 trong đó cho phép ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có khả năng thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư.

1. Sau năm 2017, Ủy ban Basel đã được ra một số bản cập nhật, bổ sung chuẩn mực Basel III. Tuy nhiên, các nội dung chỉnh sửa không trọng yếu, do đó, CQTTGSNH đề xuất sử dụng Chuẩn mực Basel III năm 2017 (Basel III Finalising post-crisis reforms). CQTTGSNH sẽ cập nhật, chỉnh sửa nội dung liên quan trên cơ sở ý kiến góp ý. [↑](#footnote-ref-1)